TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG** _____ Bản án số:03 /2019/HNGĐ-ST Ngày 20 tháng 03 năm 2019 V/việc chị H anh L. ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Đán Văn Đ**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hứa Thị T**

2. Bà **Lục Thị N**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Thị Đ** - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị C** - kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Sùng Thị H** - Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang. Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Làm ruộng (có mặt).

Bị đơn: Anh **Hạng Khái L**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang. Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Làm ruộng. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Sùng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị H và anh Hạng Khái L có kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang vào ngày 29/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2015 vợ chồng tôi đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L không chịu khó làm ăn, chơi bời, rượu chè về đánh đập chị nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng tôi đã sống ly thân từ ngày đó cho đến nay. Nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, không thể khắc phục để chung sống với nhau được nữa. Do vậy, chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạng Khái L để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung cháu Hạng Quang H (sinh ngày 05/11/2013), khi ly hôn chị có nguyện vọng giao cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi đủ 18 tuổi, chị không pH cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, tài sản riêng, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên quan điển xin được ly hôn với anh L.

Về con chung khi ly hôn chị xin giao cho anh L được nuôi dưỡng và giáo dục. Nếu anh L không nuôi được hoặc yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì chị không nhất trí vì hiện tại chị không có nơi ở, không có thu nhập ổn định cuộc sống hàng ngày rất khó khăn, nếu pH nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con đời sống sinh hoạt sẽ càng khó khăn thêm. Nếu anh L không nhận nuôi con thì chị sẽ nhận nuôi con không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

*** Bị đơn anh Hạng Khái L trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Anh L nhất trí với lời trình bày của chị H về thời gian điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, còn về mâu thuẫn vợ chồng anh không nhất trí với lời trình bày của chị H, anh thừa nhận năm 2015 có được đánh chị H 01 lần là 02 cái tát do chị H không chịu nghe lời và chủi bới xúc phạm anh, sau đó vợ chồng tiếp tục chung sống bình thường, nhưng tháng 6 năm 2018 chị H tự ý bỏ nhà đi làm thuê và không trở về nữa. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung cháu Hạng Quang H, sinh ngày 05/11/2013, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và yêu cầu chị H pH cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ kể từ ngày ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

-Về tài sản , công nợ chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh L đưa ra điều kiện. Nếu chị H không nhất trí cấp dưỡng nuôi con thì anh không nhất trí ly hôn mà yêu cầu chị H trở về đoàn tụ gia đình

cùng nhau nuôi dậy con cái. Nếu chị H cương quyết ly hôn, anh L yêu cầu chị H pH cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000đ kể từ ngày ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng là thực sự trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay nếu cố duy trì cũng không có hạnh phuc. Đề nghị HĐXX xử cho chị H, anh L được ly hôn theo quy định tại điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình .

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Hạng Quang H, sinh ngày 05/11/2013, cho anh L nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi quyền nuôi con sau này.

Về khoản cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L yêu cầu chị H pH cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Xét thấy: Hiện tại chị H không có nơi ở, không có công việc làm, thu nhập không ổn định nên không buộc chị H pH cấp dưỡng nuôi con chung. Việc cấp dưỡng khi anh L chứng minh được chị H có thu nhấp, nơi ở ổn định anh L có quyền khởi kiện yêu cầu chị H cấp dưỡng hoặc thay đổi quyền nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Sùng Thị H về việc xin ly hôn với anh Hạng Khái L được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Thẩm phán đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự không có khiếu tố, khiếu nại.

[2].**Về quan hệ hôn nhân**: Chị Sùng Thị H và anh Hạng Khái L có kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang vào ngày 29/12/2014, đây là hôn nhân đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình năm 2000, vợ chồng đã sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đến năm 2016 thì phát sinh nâu thuẫn nguyên nhân là do anh L không chịu khó làm ăn, phát triển kinh tế gia đình hay chơi bời, rượu chè về gây sự đánh đập chị, chị H khắc phục nhẫn nhịn nhưng anh L không chịu sửa chữa khuyết điểm mà còn đối xử thậm tệ đánh đập chị đến mức chị pH đi nằm viện, chữa trị tH tích sau khi ra viện chị đã sống ly thân làm thuê rửa bát, ở trọ tại quán ăn khu chợ D từ tháng 6 năm 2018, đến nay chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, không thể khắc phục được, có khắc phục vợ chồng cũng không có tình cảm, không có hạnh phúc. Do vậy, chị H yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hạng Khái L để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Như vậy: Tòa án xét thấy sự mâu thuẫn của vợ chồng là thực sự trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nếu cố duy trì tình cảnh như hiện nay vợ chồng cũng không có hạnh phúc và sẽ ảnh hưởng đời sống sinh hoạt của chị H và ảnh hưởng đến quyền lợi của con cái. nên cần xử cho chị H được ly hôn với anh L.Theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu anh L, Tòa án thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản kiểm tra chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 11 tháng 01 năm 2019. về quan hệ hôn nhân anh L đã nhất trí ly hôn với chị H. Tại phiên tòa anh L không nhất trí ly hôn với điều kiện yêu cầu chị H pH cấp dưỡng nuôi con chung nếu chị H không cấp dưỡng nuôi con thì anh không nhất trí ly hôn. Tòa án xét thấy anh L đặt điều kiện ly hôn với chị H là trái quy định của pháp luật. Vì quan hệ hôn nhân tồn tại pH dựa trên cơ sở tình cảm vợ chồng, vợ chồng pH thực sự tH yêu, chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau. Khi

ly hôn về trách nhiệm nuôi con không phụ thuộc quan hệ tình cảm của vợ chồng. Do vậy ý kiến anh L đề nghi không nhất trí ly hôn không được Tòa án chấp nhận.

[3].**Về con chung**: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Hạng Quang H, sinh ngày 05/11/2013 hiện nay cháu đang ở cùng anh L tại thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang. Khi ly hôn hai bên đương sự thỏa thuận giao cho anh L được nuôi dưỡng, giáo dục. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay anh L yêu cầu chị H pH cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000đ kể từ ngày ly hôn đến khi chảu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét đề nghị anh L yêu cầu chị H pH cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là nhằm để thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người cha, mẹ đối với con chung sau khi vợ chồng ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên hiện tại chị H không có nơi ở, không có thu nhập ổn định, đời sống ăn, ở, sinh hoạt rất khó khăn không có khả năng kinh tế để nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, điều kiện hoàn cảnh chị H khó khăn là thực tế được chính quyền địa phương xác nhận. Nên trong vụ án này chấp nhận yêu cầu của chi H không buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm con theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con được xác đinh sau khi anh L chứng minh được chị H có thu nhập, có nơi ở ổn định, anh L có quyền khởi kiện thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[4]. **Về tài sản, công nợ chung, tài sản riêng:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5].Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và Điều 56; Điều 81; Điều 82; và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân:

Xử**:** cho chị Sùng Thị H và anh Hạng Khái L, được ly hôn.

- **Về con chung:** Giao cháu Hạng Quang H, sinh ngày 05/11/2013 cho Hạng Khái L; Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh Hà Giang được trực tiếp, nuôi dưỡng và giáo dục cho đên khi cháu H đủ 18 tuổi, chị Sùng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung được quyền thăm nom con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luât.

3.Về án phí: Chị Sùng Thị H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 02115 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang. Chị Sùng Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đán Văn Đ

Nơi nhận:
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện A;
-UBND xã D, huyện VX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

Các Hội thẩm nhân dân		*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*
Hứa Thị Thu	**Lục Thị Nhung**	**Đán Văn Đường**

Nơi nhận:
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND Thị Trấn -VX*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đán Văn Đường